Dung dịch thuốc nước (aqueous solution)

- Dung môi
  - nước
  - nước - cồn
  - nước - propylen glycol
  - nước - PEG400
- Đường dùng
  - súc miệng
  - nhỏ tai, mũi, mắt
  - ...

Dạng đặc biệt

- Thuốc nước chanh (ngọt, thơm)
  - dược chất
  - acid hữu cơ (citric, tartric)
  - muối vô cơ (MgCitrat, NaTartrat, KBitartrat)
  - (sometimes) CO2
- Poxio (potio)
  (dạng này tìm trên mạng chả thấy thông tin)
  - lỏng
  - pha chế theo đơn
    (không để quá 2 ngày vì dễ nấm mốc)
    (không đủ ngọt để kéo nước từ VSV)
  - ~ 20% siro đơn

Dung dịch cồn (alcohol solution)

- Dung môi: Ethanol, Ethanol - nước
  - dùng uống: 20-40*
  - dùng ngoài: 70-90*
- Tính sát trùng với nồng độ >=25*
- Dễ bay hơi, dễ cháy, dễ bị OXH
- Hòa tan được các chất hữu cơ
  - nhựa
  - tinh dầu
  - alcaloid base
  - ...
- (some) Pha cồn bền hơn pha nước: long não, bạc hà

Dung dịch dầu (oily solution)

- Dung môi: Dầu
  - Dầu thực vật (lạc trung tính, vừng, tournesol)
  - Dầu động vật (gan cá thu)
  - Dầu khoáng (dầu parafin - trong dầu gió TTTS)
- Đường dùng
  - dùng trong: *testosteron, progesteron* (IM, **cấm IV**)
  - dùng ngoài: *dầu khuynh diệp nhỏ mũi*

Dung dịch glycerin

- Đường dùng: dùng ngoài
- Dược chất thường gặp:
  acid boric, borax, iod, tanin, ...

Syro (Syrup)

- đường 56 - 65%

Siro khô: bột cốm, khi nào dùng thì hòa vào nước
--> dd tạo ra có hàm lượng đường nhiều như siro

- Điều chế
  - hòa (dd) dược chất vào đường
  - or. hòa đường vào dd dược chất

Ưu điểm

- siêu nhiều đường --> bảo quản được dược chất
  (vì tạo dd ưu trương so với môi trường cơ thể vk --> kéo nước từ vk)
- ngon

Nhược điểm

- đặc --> chậm hấp thu ==> hòa nước ấm uống
- để lạnh --> đường bị kết tinh

LIVEWORKSHEETS